

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST
Ngày 08 – 11 – 2021
Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Phạm Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ái Hoà;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Hoàng Liêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà **N. T. M**, sinh năm 1973; địa chỉ nơi cư trú: khu phố A, phường B, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* ông **N. V. T**, sinh năm 1971; địa chỉ nơi cư trú: khu phố A, phường B, thị xã Z, tỉnh Tây Ninh (có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà N. T. M trình bày:

Bà và ông N. V. T chung sống với nhau từ năm 1989, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Z (nay là phường B, thị xã Z), tỉnh Tây Ninh. Cuộc sống chung giữa bà và ông T không có hạnh phúc do trong suốt thời gian sống chung ông T không đi làm nên toàn bộ kinh tế trong gia đình đều do bà và các con lo, ông T không có đóng góp gì cũng không quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ công việc nhà với vợ con. Đến năm 2019, bà nhận thấy ông T có nhiều thay đổi, thường xuyên đi chơi và thường xuyên nói

chuyện điện thoại với người phụ nữ khác nên bà nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Hiện bà và ông T vẫn sống chung một nhà nhưng mạnh ai người đó sống, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm và lo lắng cho nhau nữa. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ, chồng bà có hai người con chung tên N. H. A, sinh năm 1990 và N. T. P, sinh năm 1992. Hai con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên bà M không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: bà M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04 tháng 6 năm 2021, bị đơn – ông N. V. T trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của bà M về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và con chung là đúng. Ông thừa nhận trong thời gian chung sống ông có đi chơi, đánh bài và bản thân bà M cũng đi đánh bài nên vợ chồng phải bán đất trả nợ. Sau này, ông không còn đi đánh bài nữa nhưng ông vẫn đi chơi với bạn bè, trong quán cà phê có cả nam và nữ nhưng ông chỉ nói chuyện vui đùa chứ không có tình cảm với ai. Do bà M ghen tuông nên cho rằng ông ngoại tình. Hiện tại, ông, bà vẫn còn sống chung một nhà, tình cảm vợ chồng vẫn bình thường. Nay bà M yêu cầu ly hôn thì tuy bà M quyết định, ông không có ý kiến.

Về con chung: hai con chung đều đã thành niên, có cuộc sống riêng, có khả năng tự lao động để sinh sống nên ông không có yêu cầu gì về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông T không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung giải quyết vụ án: căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà N. T. M đối với ông N. V. T. Về con chung: con chung tên N. H. A, sinh năm 1990 và N. T. P, sinh năm 1992 đều đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: nguyên đơn bà N. T. M và bị đơn ông N. V. T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M, ông T là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: bà M và ông T chung sống từ năm 1989, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 2002. Vì vậy, hôn nhân của ông, bà là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Ông, bà chung sống đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Bà M cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bà nghi ngờ ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và không còn tin tưởng ông T về tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với ông T. Ông T thừa nhận ông có đi uống cà phê, nói chuyện với bạn bè nhưng ông không có tình cảm với người phụ nữ khác như lời trình bày của bà M. Nay bà M yêu cầu ly hôn, ông T không có ý kiến gì mà để tùy bà M quyết định và ông cũng không yêu cầu được đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà M và ông T đã kéo dài từ năm 2019 cho đến nay nhưng ông, bà không tự nói chuyện với nhau để vợ chồng xóa bỏ hiểu lầm và hàn gắn tình cảm. Khi bà M yêu cầu ly hôn ông T cũng không yêu cầu được đoàn tụ. Điều này chứng tỏ ông không còn tôn trọng và quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa ông và bà M. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà M và ông T không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: ông, bà chung sống có 02 người con chung tên N. H. A, sinh năm 1990 và N. T. P, sinh năm 1992. Xét thấy, hai con chung đều đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà M và ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà N. T. M đối với ông N.V. T. Bà N. T. M được ly hôn với ông N. V. T.

2. Về con chung: anh N. H. A, sinh năm 1990 và chị N. T. P, sinh năm 1992 đều đã thành niên và có khả năng tự lao động để sinh sống nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà M và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: bà M phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015260 ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận bà M đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: bà M, ông T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND T.Tây Ninh;
- VKSND TX. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;
- Ủy ban nhân dân phường B;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Yến